

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HSST
Ngày: 31 - 8 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Công Đa
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - . Bà Nguyễn Thị Xuân Sương;
 - . Ông Trần Văn Sĩ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Thủy Quỳnh - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa tham
gia phiên tòa: Ông Huỳnh Xuân Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh -
tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2017/HSST ngày 12
tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Văn T - sinh năm 1973, tại V - Khánh Hòa; đăng ký hộ khẩu thường
trú tại thôn P - xã T - huyện V - tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay tại tổ dân phố N -
phường Q - thị xã B - tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; nghề
nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 3/12; con ông Phạm H (chết) và bà Trần Thị L
(chết); chung sống như vợ chồng với bà Lê Thị H1 và có 03 con, con lớn nhất sinh
năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt truy
nã và tạm giữ ngày 09/3/2017, tạm giam ngày 15/3/2017. Có mặt.

- Người bị hại:

Ông Phạm Quang Đ - sinh năm 1972; trú tại thôn QH - xã T - huyện V - tỉnh
Khánh Hòa. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa truy tố
về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/5/1995, ông Phạm Quang Đ điều khiển xe
mô tô biển số 79 - 890Q chở Phạm Văn T đi công việc ở thôn TĐ - xã H - huyện V
- tỉnh Khánh Hòa (nay là xã L - huyện V - tỉnh Khánh Hòa). Khi trên đường đi về
thì T rủ ông Đ vào quán “VINAGEN” thuộc Khóm 21 (nay thuộc tổ dân phố số

18) - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa uống bia. Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, trong lúc đang uống bia, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của ông Đ để làm phương tiện đi lại nên nói dối với ông Đ cho mượn xe đi chở bạn đến cùng uống bia cho vui, ông Đ tưởng thật nên giao chìa khóa và xe cho T. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô này, T điều khiển xe đến nhà ông Trần Đình Q ở thôn BT - xã NB - thị xã H - tỉnh Khánh Hòa để xia trầm thuê, đến chiều ngày 04/5/1995 thì hết trầm. Lúc này, gặp người bạn tên H2 (không rõ họ tên, địa chỉ) ở huyện D - tỉnh Khánh Hòa cũng đang tìm việc làm, nên T chở H2 đến nhà ông P ở DM - thị xã H xin làm trầm hương và ở lại nhà ông P. Chiều ngày 05/5/1995, H2 mượn xe mô tô biển số 79 - 890Q đi mua thức ăn nhưng không quay trở lại, đợi đến sáng hôm sau vẫn không thấy H2 quay về nên T bỏ trốn, đến ngày 09/3/2017 thì bị bắt truy nã.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/2017/KL-TTHS ngày 14 tháng 3 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa kết luận chiếc xe mô tô biển số 79 - 890Q, nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Gran 100 bị trộm cắp, trị giá 19.800.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-KSĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa đã truy tố Phạm Văn T để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T theo tội danh, khung hình phạt như trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận thời gian, cách thức chiếm đoạt và tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của ông Phạm Quang Đ như nội dung bản Cáo trạng số 44/CT-KSĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận vào khoảng 16 giờ 00, ngày 03/5/1995, tại tổ dân phố số 18 (khóm 21 trước đây) - thị trấn G - huyện V - tỉnh Khánh Hòa, lợi dụng sự tin tưởng của ông Phạm Quang Đ, Phạm Văn T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối giả vờ hỏi mượn xe mô tô làm ông Phạm Quang Đ tưởng thật nên giao tài sản cho T mượn và T đã chiếm đoạt của ông Phạm Quang Đ chiếc xe mô tô biển số 79 - 890Q, trị giá 19.800.000đồng (mười chín triệu tám trăm nghìn). Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Mặc dù thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là ngày 03/5/1995, trước 0 giờ 00 ngày 01/7/2000 (ngày Bộ luật Hình sự năm 1999 có hiệu lực) và bị khởi tố bị can về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” theo Điều 157 của Bộ

luật Hình sự năm 1985, nhưng Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 1985 có quy định loại hình phạt “tử hình” là loại hình phạt nặng hơn Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 chỉ quy định hình phạt cao nhất là “tù chung thân”. Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC - VKSNDTC - BTP - BCA ngày 05 tháng 7 năm 2000 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Công an hướng dẫn thi hành Điều 7 Bộ luật Hình sự và Mục 2 Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Quốc hội thì trường hợp này cần phải áp dụng Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt đối với bị cáo là đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự (năm 1999) là có căn cứ, nên áp dụng khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; gây mất trật tự trị an ở địa phương; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo lại bỏ trốn phải truy nã gây khó khăn cho quá trình điều tra, xử lý tội phạm.

Bị cáo Phạm Văn T tuy có bị Tòa án nhân dân thị xã Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” (Bản án số 21/HS-ST ngày 27/8/1992), chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/3/1993 và đây cũng là ngày chấp hành xong bản án. Tính từ ngày chấp hành xong bản án đến ngày 03/5/1995 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới là 02 năm 01 tháng 15 ngày. Theo quy định tại Điều 64 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì thời hạn đương nhiên xóa án tích đối với bị cáo Thuận là 03 năm, kể từ ngày chấp hành xong bản án. Song theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì thời hạn đương nhiên xóa án tích trong trường hợp này là 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính và đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội và Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo Phạm Văn T đã được đương nhiên xóa án tích, nên lần phạm tội này không tính là tái phạm. Tuy nhiên, về nhân thân thì bị cáo cũng đã một lần bị xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”. Lẽ ra, bị cáo phải lấy đây làm bài học kinh nghiệm, nghiêm túc sửa chữa, khắc phục những sai phạm của mình, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, chăm lo làm ăn để trở thành người có ích cho xã hội. Nhưng ngược lại sau đó bị cáo lại tiếp tục phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu, không chịu tiếp thu cải tạo, không chịu làm ăn lương thiện, thích hưởng thụ bằng tài sản, công sức của người khác, coi thường kỷ cương pháp luật. Nên cần phải xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo và ngăn ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Phạm Văn T đã chiếm đoạt của ông Phạm Quang Đ chiếc xe mô tô biển số 79 - 890Q, trị giá 19.800.000đồng, chiếc xe này không thu hồi lại được. Tại phiên

tòa, ông Đ yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho ông giá trị chiếc xe mô tô nói trên với số tiền là 10.000.000đồng, số tiền còn lại ông không yêu cầu bồi thường.

Bị cáo Phạm Văn T cũng đồng ý bồi thường cho ông Đ số tiền 10.000.000đồng như ông Đ yêu cầu.

Xét sự thỏa thuận trên đây giữa bị cáo Phạm Văn T và ông Phạm Quang Đ là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên ghi nhận.

- Về án phí:

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 09/3/2017.

- Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 584 - 585 - 586 - 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Phạm Văn T và ông Phạm Quang Đ về việc bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm như sau:

Bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho ông Phạm Quang Đ số tiền 10.000.000đồng (mười triệu).

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí:

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn) và án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đồng (năm trăm nghìn).

- Quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Công an huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THA dân sự huyện Vạn Ninh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Hồ sơ THA;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Công Đa